

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Tổ 5, Khu phố 5, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Tổ 5, Khu phố 5, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị V và ông Huỳnh Văn L chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương ngày 12/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và không còn sống chung từ tháng 4/2017 đến nay. Bà V nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Lê An K, sinh ngày 21/02/2017. Khi ly hôn, bà Lê Thị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà V không yêu cầu ông Huỳnh Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện viện Kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Bà Lê Thị V và ông Huỳnh Văn L chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 12/4/2017, là hôn nhân hợp pháp. Bà V xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn giữa bà V và ông L trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà V yêu cầu ly hôn ông L là có căn cứ. Về con chung, bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Lê An K, sinh ngày 21/02/2017, xét thấy con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện tại đang sống cùng bà V, bà V đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc các con chung đảm bảo phát triển về mọi mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên bà V yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, bà V không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của bà V. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, bị đơn ông Huỳnh Văn L vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để

giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị V và ông Huỳnh Văn L chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 12/4/2017, là hôn nhân hợp pháp. Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án cho thấy ông L không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại địa phương bà V và ông L không còn sống chung. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ chồng, nhưng quan hệ hôn nhân của bà V và ông L đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà V và ông L trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Lê An K, sinh ngày 21/02/2017. Xét thấy, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện tại đang sống cùng bà V, bà V đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc các con chung đảm bảo phát triển về mọi mặt. Do vậy, yêu cầu nuôi con chung của bà V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà V.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị V phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị V được ly hôn ông Huỳnh Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Lê An K, sinh ngày 21/02/2017 cho bà Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà V về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị V và ông Huỳnh Văn L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013797 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết